TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 46

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số 435, chữ số 4 có giá trị là:

A. 400 **B.** 435 **C.** 4 **D.** 40

Câu 2. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức 96 − 81 : 9 là:

A. 98 **B.** 87 **C.** 99 **D.** 15

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: …… × 5 = 30

A. 25 **B.** 6 **C.** 11 **D.** 4

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 16 × 6 là:

A. 88 **B.** 96 **C.** 86 **D.** 106

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 55 đi 5 lần được:

A. 275 **B.** 11 **C.** 12 **D.** 50

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần hai (1/2) của 18 l là:

A. 9 l **B.** 36 l **C.** 16 l **D.** 11 l

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 6 l = …… ml

A. 60000 **B.** 6000 **C.** 60 **D.** 600

Câu 8. *(0,5 điểm)* I là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết CD = 38 mm, độ dài đoạn CI là:

A. 76 mm **B.** 36 mm **C.** 38 mm **D.** 19 mm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 387 + 307 = ……

b) 841 − 134 = ……

c) 199 × 3 = ……

d) 126 : 9 = ……

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 4 × 5 …… 19

b) 1 cm …… 10 mm

c) 7 m 1 cm …… 691 cm

d) 1/5 của 15 …… 1/6 của 18

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/7 của 63 m là …… m

b) 1/3 của 15 cm là …… cm

c) 1/4 của 28 kg là …… kg

Câu 12. *(1 điểm)* Tính:

a) 210 g + 214 g = …… g

b) 598 ml − 225 ml = …… ml

c) 207 mm × 3 = …… mm

d) 90 kg : 5 = …… kg

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 5 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 6 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 32 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Mỗi hộp có 4 cái bánh. Huy mua 6 hộp bánh và 14 cái bánh lẻ. Hỏi Huy mua tất cả bao nhiêu cái bánh?

a) 6 hộp có: …… cái bánh

b) Tất cả có: …… cái bánh

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 46

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	B	B	B	A	B	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 387 + 307 = 694

b) 841 − 134 = 707

c) 199 × 3 = 597

d) 126 : 9 = 14

Câu 10.

a) 4 × 5 = 20 nên điền dấu «>»

b) 1 cm = 10 mm nên điền dấu «=»

c) 7 m 1 cm = 701 cm nên điền dấu «>»

d) 1/5 của 15 là 3; 1/6 của 18 là 3 nên điền dấu «=»

Câu 11.

a) 63 : 7 = 9 (m)

b) 15 : 3 = 5 (cm)

c) 28 : 4 = 7 (kg)

Câu 12.

a) 424 g

b) 373 ml

c) 621 mm

d) 18 kg

Câu 13.

a) 5 × 2 = 10 (cm)

b) 6 : 2 = 3 (dm)

c) 32 : 2 = 16 (mm)

Câu 14.

6 hộp: 4 × 6 = 24 (cái)

Tất cả: 24 + 14 = 38 (cái)